

Bản án số: **28/2017/HSST**
Ngày: **27/06/2017**

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM SƠN- TỈNH NINH BÌNH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Thế Anh
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính
- **Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thành, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Anh Tuấn, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2017/HSST ngày 05/06/2017 đối với:

- **Bị cáo:** Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh năm 1992; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm H, xã V, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: 9/12;

Bố đẻ: Lê Văn T1, sinh năm 1966 và mẹ đẻ: Vũ Thị M, sinh năm 1967, đều làm ruộng và trú tại xóm H, xã V, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; Vợ, con: ch- a có.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam ngày 20/4/2017 tại Trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- **Ng- ời bị hại:** Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1979, trú tại xóm H, xã V, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa

- **Ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Trần Văn T2, sinh năm 1993, xóm 13, xã L, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Lê Văn T bị VKSND huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Khoảng 06 giờ 10 phút ngày 19/4/2017, Lê Văn T đi sang cửa hàng tạp hóa đối diện của chị Nguyễn Thị P để mua gang tay lao động nhìn thấy chiếc hộp nhựa đang để ở gầm bàn quầy bán hàng bên trong để nhiều loại thẻ cào điện thoại khác nhau, lợi dụng lúc chị P đi vào trong nhà để lấy gang tay bán cho T, T mở nắp rồi thò tay vào trong hộp lấy một số thẻ đang buộc bằng nịt cho vào túi quần bên phải, rồi nắp lại hộp nhựa bỏ lại vị trí cũ rồi trả tiền gang tay đi về nhà. Sau đó điều

khuyến xe mô tô BKS 35K1-11540 đi uống methadon tại trung tâm y tế huyện Kim Sơn khi về đến địa bàn xã T vào quán mua bán điện thoại của chị Trần Thị H để bán số thẻ cào trên nh-ng chị H không mua. Cùng lúc đó T gặp Trần Văn T2 là bạn T rủ nhau vào quán nh-óc cạnh của hàng điện thoại nhà chị H. T lấy ra 02 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ và 01 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 50.000đ đ-a cho T2 và nói là vừa nhặt đ-ợc ở đ-ờng. Sau đó T còn gọi điện và nạp 02 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ cho một ng-ời tên K ở Bắc Ninh nh-ng không xác định đ-ợc địa chủ cụ thể, rồi T lại tiếp tục gọi và nạp 01 thẻ Vinaphone mệnh giá 50.000đ cho một ng-ời tên K ở Hà Nội nh-ng không xác định đ-ợc địa chỉ cụ thể, đồng thời T tự cào 08 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ để nạp cho số thuê bao của mình; trên đ-ờng đi về nhà đến khu vực xóm 1, xã Y, huyện Kim Sơn thì gặp tổ tuần tra Công an huyện Kim Sơn, phát hiện nghi vấn nên tổ tuần tra tiến hành kiểm tra hành chính. T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ tại chỗ do T tự nguyện giao nộp 19 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đ, 23 thẻ Viettel 50.000đ, 29 thẻ Vinaphone mệnh giá 50.000đ, 05 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000đ, 76 thẻ này là những thẻ còn nguyên giá trị thẻ nạp ch-a bị cào mã số thẻ. Ngoài ra, còn thu 02 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ đã bị cào, 02 thẻ Vinaphone đã bị cào nh-ng trong đó có 01 thẻ đã cào nh-ng ch-a nạp; 01 xe mô tô Honda Wave màu xanh đen BKS 35K1-115.40; 01 đăng ký xe mô tô số 001020 mang tên Lê Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F màu trắng hồng của Lê Văn T.

Chị Nguyễn Thị P tự nguyện giao nộp: 01 hóa đơn bán lẻ ngày 18/4/2017; 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng đục có nắp màu xanh đ-ờng kính nắp 11cm, trong hộp có chứa: 46 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ, 09 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 100.000đ, 30 chiếc thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ, 09 thẻ cào Mobiphone mệnh giá 20.000đ, 01 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000đ, 13 thẻ cào Vnmobile mệnh giá 20.000đ, 02 thẻ cào Gmobile mệnh giá 20.000đ, tất cả số thẻ trên còn nguyên lớp phủ mạ chì mã số.

Ngoài 80 thẻ nạp thu giữ nói trên qua xác minh còn có 11 thẻ (10 thẻ Viettel 50.000đ và 01 thẻ Vinaphone 50.000đ) T đã nạp và cho ng-ời khác không thu đ-ợc thẻ đã cào. Tổng số 91 thẻ nạp điện thoại mà Lê Văn T chiếm đoạt thành tiền là 5.500.000đ.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 04/6/2017 của VKSND huyện Kim Sơn truy tố bị cáo Lê Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng khoản 1, Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, 2 điều 46 và Điều 47 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 03 đến 04 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2017.
- Căn cứ quy định của pháp luật xử lý vật chứng

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, ng- ời bị hại.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Lê Văn T khai: Khoảng hơn 6 giờ ngày 19/4/2017, Lê Văn T đi từ nhà sang cửa hàng tạp hóa đối diện của chị Nguyễn Thị P để mua gang tay lao động. Lợi dụng lúc chị P đi vào trong nhà để lấy gang tay bán cho Tỉnh, Tỉnh mở nắp hộp đựng thẻ lấy một số thẻ điện thoại của chị P đang buộc bằng nịt cho vào túi quần, sau đó trên đ- ờng đi uống methadon tại trung tâm y tế huyện Kim Sơn về, Tỉnh mang thẻ trộm cắp đ- ọc đến địa bàn xã T vào quán mua bán điện thoại của chị Trần Thị H để bán số thẻ cào trên, nh- ng chị H không mua thì T gặp Trần Văn T2 là bạn, T lấy ra 02 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ và 01 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 50.000đ đ- a cho T2 và nói là vừa nhặt đ- ọc ở đ- ờng. Sau đó T còn gọi điện và nạp 02 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ cho một ng- ời tên K; nạp 01 thẻ Vinaphone mệnh giá 50.000đ cho một ng- ời tên K là bạn nh- ng không biết địa chỉ cụ thể của hai ng- ời này, đồng thời T tự cào 08 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ để nạp cho số thuê bao của mình. Trên đ- ờng đi về nhà đến khu vực xóm 1, xã Y, huyện Kim Sơn thì gặp tổ tuần tra Công an huyện Kim Sơn tiến hành kiểm tra hành chính. T đã tự nguyện giao nộp 80 thẻ điện thoại các loại còn lại và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của ng- ời bị hại, ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời đ- ọc chứng minh qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nh- đơn trình báo của ng- ời bị hại, biên bản sự việc, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện tr- ờng.

Nh- vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng lúc chị P ng- ời có tài sản sơ hở bị cáo Lê Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 91 chiếc thẻ nạp điện thoại, tổng trị giá tài sản 5.500.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản"; theo khoản 1 Điều 138 BLHS .

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân đ- ọc pháp luật bảo hộ, làm ảnh h- ưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa ph- ơng cần phải xử lý nghiêm tr- ớc pháp luật.

Khi l- ợng hình HĐXX thấy: bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú nhận về hành vi trộm cắp với ơ quan điều tra; phạm tội lần đầu thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng; bị cáo và gia đình đã khắc phục phần thiệt hại xảy ra; ng- ời bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đ- ọc quy định tại điểm o, h, p khoản 1, 2 điều 46 BLHS; bị cáo đủ điều kiện áp dụng thêm Điều 47 BLHS để xử d- ối khung hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng nh- nhân thân bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành ng- ời công dân có ích cho xã hội, đảm bảo tính nghiêm minh cũng nh- răn đe phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp là 91 thẻ điện thoại các loại trong đó còn 76 thẻ còn nguyên giá trị là 4.750.000đ và có thể l-u hành bình th-ờng. Còn lại 01 thẻ trị Vinaphone trị giá 50.000đ đã bị cào nh-ng ch-a nạp không còn giá trị l-u hành và 14 thẻ(Viettel và Vinaphone) đã bị cào và nạp trị giá 700.000đ, gia đình bị cáo và ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn T2 đã bồi th-ờng cho ng-ời bị hại theo phần bị cáo 600.000đ và anh T2 150.000đ; ng-ời bị hại chỉ có yêu cầu nhận lại tài sản là số thẻ còn giá trị để bán, yêu cầu này có căn cứ đ-ợc HĐXX chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ 80 thẻ nạp điện thoại các loại; 01 điện thoại di động OPPO màu trắng hồng; 01 mô tô BKS 35K1-11540 và 01 đăng ký xe mang tên Lê Văn T. Chị Nguyễn Thị P tự nguyện giao nộp: 01 hóa đơn bán lẻ ngày 18/4/2017; 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng đục có nắp màu xanh đ-ờng kính nắp 11cm, trong hộp có chứa 110 thẻ nạp các loại gồm 46 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ, 09 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 100.000đ, 30 chiếc thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ, 09 thẻ cào Mobiphone mệnh giá 20.000đ, 01 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000đ, 13 thẻ cào Vnmobile mệnh giá 20.000đ, 02 thẻ cào Gmobile mệnh giá 20.000đ, tất cả số thẻ trên còn nguyên lớp phủ mạ chì mã số. Tổng trị giá 2.770.000đ

Đối với 110 thẻ nạp các loại thẻ trị giá 2.770.000đ và hóa đơn bán lẻ ngày 18/4/2017 chị P nộp không liên quan đến vụ án cần hoàn trả cho chủ sở hữu.

Đối với 80 thẻ nạp các loại thu của bị cáo T do trộm cắp của chị P mà có, trong đó 76 thẻ còn nguyên giá trị là 4.750.000đ và có thể l-u hành bình th-ờng cần trả lại cho chủ sở hữu là chị P; còn lại 01 thẻ Vinaphone trị giá 50.000đ đã bị cào nh-ng ch-a nạp không còn giá trị l-u hành và 3 thẻ (02 Viettel và 01 Vinaphone) đã bị cào và nạp tổng trị giá 200.000đ cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động OPPO màu trắng hồng; 01 mô tô BKS 35K1-11540 và 01 đăng ký xe mang tên Lê Văn T không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng khoản 1, Điều 138; điểm o, h, p khoản 1,2 Điều 46 và Điều 47 BLHS,

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 04 (bốn) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2017 .

2/. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, điều 76 BLTTHS và áp dụng khoản 1, 2 điều 41 BLHS.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ trị Vinaphone trị giá 50.000đ đã bị cào nh-ng ch-a nạp, 02 thẻ Viettel và 01 Vinaphone không còn giá trị l-u hành.

- Trả lại cho ng-ời bị hại P 186 thẻ nạp điện thoại các loại; 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng đục có nắp màu xanh đ-ờng kính nắp 11cm; 01 hóa đơn bán lẻ ngày 18/4/2017.

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động OPPO màu trắng hồng; 01 mô tô BKS 35K1-11540 và 01 đăng ký xe mang tên Lê Văn T (Chi tiết vật chứng nh- trong biên bản bàn giao giữa cơ quan điều tra và chi cục THADS huyện Kim Sơn ngày 04/06/2017).

2/. Án phí: Căn cứ điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 /2016/NQUBTVQH14 về án phí, lệ phí toà án buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong tr-ờng hợp bản án đ-ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, ng-ời bị hại, ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện Kim Sơn;
- Chi cục THA Huyện Kim Sơn;
- Công an Huyện Kim Sơn;
- UBND xã V;
- Bị cáo, bị hại;
- L- u HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh